

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT ANTILUX 654



Phiên bản 1.1 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2019/02/27 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000010481 Ngày ban hành cuối cùng: 2017/11/27 Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

1. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Tên sản phẩm : ANTILUX 654

Mã sản phẩm : 56670169

Nhà sản xuất / Nhà cung cấp thông tin chi tiết

Nhà cung cấp : LANXESS Deutschland GmbH
Production, Technology,
Safety & Environment
51369 Leverkusen, Germany

Điện thoại : +4922188852288

Địa chỉ email của người chịu trách nhiệm cho SDS : infosds@lanxess.com

Điện thoại khẩn cấp : +492143099300

Khuyến nghị và hạn chế khi sử dụng

Cách sử dụng đề xuất : tác nhân bảo vệ ôzôn

2. THÔNG TIN VỀ SỰ NGUY HẠI

Phân loại theo GHS

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

Thành phần nhãn theo GHS

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hại.

Các nguy cơ khác không có trong GHS

Được biết là chưa xảy ra.

3. THÀNH PHẦN/ THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Chất Gây/Hỗn hợp : Hỗn hợp

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Paraffin waxes and Hydrocarbon waxes	8002-74-2	≥ 70 - ≤ 100
Paraffin waxes and Hydrocarbon waxes, microcryst.	63231-60-7	≥ 5 - < 7

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung : Không được để nạn nhân một mình.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT ANTILUX 654



Phiên bản 1.1 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2019/02/27 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000010481 Ngày ban hành cuối cùng: 2017/11/27 Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.

- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Rửa sạch bằng xà bông và nước. Ngay lập tức cởi bỏ quần áo và giày bị nhiễm. Giặt sạch quần áo đã nhiễm hóa chất trước khi tái sử dụng.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt : Gỡ bỏ kính áp tròng. Bảo vệ con mắt không bị tổn thương. Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Giữ sạch đường hô hấp. Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn. Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
- Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm : Được biết là chưa xảy ra.
- Bảo vệ người sơ cứu : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.
- Lưu ý đối với bác sĩ điều trị : Không đòi hỏi biện pháp đặc biệt gì.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các phương tiện chữa cháy phù hợp : Dùng bụi nước, bột chịu cồn, hóa chất khô hoặc cacbon dioxit.
- Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Không để nước chữa cháy chảy xuống cống và ao hồ.
- Các sản phẩm cháy nguy hại : Carbon dioxit (CO₂)
Cacbon monoxit
- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Quy trình chuẩn dùng trong cháy nổ hóa chất
Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp : Tránh tạo ra bụi.
- Các biện pháp phòng ngừa về môi trường : Không có yêu cầu đặc biệt nào về mặt an toàn môi trường.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT ANTILUX 654



Phiên bản 1.1 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2019/02/27 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000010481 Ngày ban hành cuối cùng: 2017/11/27 Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch : Thu gom và tiêu hủy mà không tạo ra bụi bẩn. Quét và dọn sạch bằng xẻng. Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

7. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Cung cấp ống xả thông gió thích hợp tại nơi bụi được tạo thành.

Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn : Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.

Các điều kiện lưu giữ an toàn : Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.

Các vật liệu cần tránh : Không có vật liệu đặc biệt nào được đề cập tới.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị : < 40 °C

Thêm thông tin về độ ổn định : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn kho lưu trữ

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO HỘ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
Paraffin waxes and Hydrocarbon waxes	8002-74-2	TWA (Khói)	1 mg/m ³	VN OEL
		STEL (Khói)	6 mg/m ³	VN OEL
		TWA (Khói)	2 mg/m ³	ACGIH
Paraffin waxes and Hydrocarbon waxes, microcryst.	63231-60-7	TWA (Khói)	1 mg/m ³	VN OEL
		STEL (Khói)	6 mg/m ³	VN OEL

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp : Thông thường không yêu cầu các thiết bị bảo hộ hô hấp cá nhân.

Bảo vệ tay
Vật liệu : Cao su nitrin - NBR
Thời gian đeo : < 60 min

Bảo vệ mắt : Kính bảo hộ

Bảo vệ da và cơ thể : Bộ quần áo bảo hộ

Các biện pháp vệ sinh : Biện pháp vệ sinh công nghiệp chung.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT ANTILUX 654



Phiên bản 1.1 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2019/02/27 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000010481 Ngày ban hành cuối cùng: 2017/11/27 Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

9. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	:	Viên hình thoi
Màu sắc	:	màu xanh dương nhạt
Mùi đặc trưng	:	không mùi
Ngưỡng mùi	:	chưa có dữ liệu
Độ pH	:	chưa có dữ liệu
Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc	:	62 °C
Điểm sôi/khoảng sôi	:	chưa có dữ liệu
Điểm chớp cháy	:	> 248 °C Phương pháp: DIN ISO 2592, cốc hở > 200 °C Phương pháp: cốc kín
Tỷ lệ hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ	:	chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	:	< 0.01 hPa (20 °C)
Tỷ trọng hơi tương đối	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng tương đối	:	chưa có dữ liệu
Mật độ	:	0.92 g/cm ³ (20 °C)
Độ hòa tan Tính tan trong nước	:	không tan
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ bốc cháy	:	> 300 °C
Nhiệt độ phân hủy	:	300 °C
Độ nhớt	:	

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT ANTILUX 654



Phiên bản 1.1 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2019/02/27 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000010481 Ngày ban hành cuối cùng: 2017/11/27 Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

Độ nhớt, động học : 5.7 - 6.3 mm²/s (100 °C)
Đặc tính cháy nổ : chưa có dữ liệu
Đặc tính ôxy hóa : chưa có dữ liệu
Trọng lượng phân tử : chưa có dữ liệu

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng : Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Tính ổn định hóa học : Ổn định trong các điều kiện thông thường.
Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm : Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra. Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị. Không có mối nguy nào được nhắc đến cụ thể.
Các điều kiện cần tránh : chưa có dữ liệu
Các vật liệu xung khắc : Không có thông tin cụ thể gì.
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm : Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc tính cấp

Thành phần:

Paraffin waxes and Hydrocarbon waxes:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): > 5,000 mg/kg
Ghi chú: Không có tỷ lệ tử vong ở nồng độ chỉ định
Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột): > 210 mg/m³
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: hơi
Độc tính cấp qua da : LD50 (Thỏ): > 3,600 mg/kg
Ghi chú: Không có tỷ lệ tử vong ở nồng độ chỉ định

Ăn mòn/kích ứng da

Thành phần:

Paraffin waxes and Hydrocarbon waxes:

Loài: Thỏ
Kết quả: Không gây kích ứng da

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT ANTILUX 654



Phiên bản 1.1 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2019/02/27 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000010481 Ngày ban hành cuối cùng: 2017/11/27 Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Thành phần:

Paraffin waxes and Hydrocarbon waxes:

Kết quả: Không gây kích ứng mắt

Kích thích hô hấp hoặc da

Thành phần:

Paraffin waxes and Hydrocarbon waxes:

Đường tiếp xúc: Tiếp xúc với da

Loài: Chuột lang

Kết quả: Không gây mẫn cảm đối với động vật thí nghiệm.

Lượng độc lặp lại

Thành phần:

Paraffin waxes and Hydrocarbon waxes:

Loài: Chuột, Đực và cái

NOAEL: 1,850 mg/kg

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

Thời gian phơi nhiễm: 90 d

Liều lượng: 1850 mg/kg

Ghi chú: Tính độc mãn tính

Thông tin khác

Sản phẩm:

Ghi chú: chưa có dữ liệu

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái

Thành phần:

Paraffin waxes and Hydrocarbon waxes:

Độc đối với cá : LC50 (Pimephales promelas (cá tuế đầu to)): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203
GLP: có
Ghi chú: Nước ngọt

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EL50 (Pimephales promelas (cá tuế đầu to)): > 10,000 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202
GLP: có
Ghi chú: Nước ngọt

Độc đối với tảo : EL50 (Pseudokirchneriella subcapitata (Tảo

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT ANTILUX 654



Phiên bản 1.1 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2019/02/27 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000010481 Ngày ban hành cuối cùng: 2017/11/27 Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

Pseudokirchneriella subcapitata): > 1,000 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Ghi chú: Nước ngọt

Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) : NOEC (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): > 1,000 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 28 Days
Ghi chú: Nước ngọt

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính) : NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): > 1,000 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 21 Days
Ghi chú: Nước ngọt

Đánh giá độc tố sinh thái học

Độc tính thủy sinh lâu dài : Chưa có ảnh hưởng về mặt độc tố sinh thái nào của sản phẩm này được phát hiện.

Tính bền vững và phân hủy

Thành phần:

Paraffin waxes and Hydrocarbon waxes:

Tính phân hủy sinh học : hiếu khí
Kết quả: Dễ phân hủy sinh học.
Phân hủy sinh học: 80 %
Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Phương pháp: OECD Hướng dẫn xét nghiệm 301B
GLP: có

Tiềm năng tích lũy sinh học

Thành phần:

Paraffin waxes and Hydrocarbon waxes:

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : log Pow: 5.3 - 6.7
Phương pháp: được đo

Tính biến đổi trong đất

chưa có dữ liệu

Các ảnh hưởng có hại khác

Sản phẩm:

Các thông tin sinh thái khác : chưa có dữ liệu

13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Vật liệu này và thiết bị chứa nó phải được thải loại theo cách an toàn.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT ANTILUX 654



Phiên bản 1.1 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2019/02/27 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000010481 Ngày ban hành cuối cùng: 2017/11/27 Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

Các thùng trống vẫn còn dư sản phẩm; cần tuân thủ tất cả các biện pháp phòng ngừa với sản phẩm.
Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

Các bao bì đã nhiễm hoá chất : Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ

14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

IATA-DGR

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Mã IMDG

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC

Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Cảnh báo nguy hiểm : Không phải hàng hóa nguy hiểm.
Gây kích ứng mắt.
Tránh nhiệt độ trên +40 °C.
Để tránh xa thực phẩm.

15. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Danh mục các tiền chất và hóa chất độc của Công ước Vũ khí Hóa học Quốc tế (CWC) : Không áp dụng được

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 : Paraffin waxes and Hydrocarbon waxes
Paraffin waxes and Hydrocarbon waxes, microcryst.

16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính

BCF = Hệ số nồng độ sinh học

GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu

ACGIH : Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) USA. ACGIH
VN OEL : Quyết định của bộ trưởng bộ y tế - Hoá chất - giới hạn cho

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT ANTILUX 654



Phiên bản 1.1	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2019/02/27	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000010481	Ngày ban hành cuối cùng: 2017/11/27 Nước / Ngôn ngữ: VN / VI
------------------	--	---	---

phép trong không khí vùng làm việc

ACGIH / TWA	:	8 giờ, trung bình tính theo thời gian
VN OEL / TWA	:	Trung bình về thời gian
VN OEL / STEL	:	Từng lần tối đa

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.